TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-11-2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Văn Bé.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số 641/1 Quốc lộ 1, Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Phương T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày: Qua quen biết, năm 2012 ông Nguyễn Hữu H và bà Phạm Thị Phương T được hai gia đình tổ chức lễ cưới rồi sống chung với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Thời gian sống chung đến nay có một con chung tên Nguyễn Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 13/10/2012. Thời gian đầu hôn nhân cũng hạnh phúc, nhưng thời gian sau này do có phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, bà T thường xuyên xong việc làm là đi chơi không biết lo cho gia đình nên vợ chồng hay cãi nhau. Thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông H yêu cầu ly hôn với bà T. Ông H yêu cầu được nuôi con chung là cháu Y, không yêu cầu cấp dưỡng, cháu Y hiện tại đang sống chung với ông H. Ông H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung; đồng thời ông H xin vắng mặt trong quá trình xét xử của Tòa án.

Bị đơn bà Phạm Thị Phương T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và

hòa giải nhưng bà T vẫn vắng mặt tại Tòa án nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án thực hiện thủ tục tố tụng đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Nguyễn Hữu H với bà Phạm Thị Phương T là tranh chấp ly hôn, căn cứ nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Hữu H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bà Phạm Thị Phương T đã được Tòa án thông báo đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà T.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của ông H: Xét thấy ông H, bà T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Theo giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 215/UBND-XNTTHN ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân xã Phước Lý, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An thì ông H hiện chưa đăng ký kết hôn với ai. Trong thời gian chung sống đến nay, ông H, bà T đã đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không liên hệ cơ quan có chức năng làm thủ tục đăng ký theo quy định. Quá trình sống chung đã xảy ra nhiều mâu thuẫn về tình cảm, ông H trình bày bà T thường xuyên xong việc làm là đi chơi không biết lo cho gia đình nên vợ chồng hay cãi nhau. Bà T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của ông H nhưng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và không có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải, xét xử. Điều đó cho thấy bà T không muốn hàn gắn mối quan hệ tình cảm với ông H nên ông H yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình và điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên chấp nhận. Do ông H, bà T đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Từ khi sống chung đến nay, ông H, bà T có con chung tên Nguyễn Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 13/10/2012, ông H trình bày hiện tại con chung do ông H nuôi, bà T không thăm con nên yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung của ông H là có cơ sở chấp nhận. Ông H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

V*ì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Các Điều 14, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H với bà Phạm Thị Phương T.

Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Hữu H và bà Phạm Thị Phương T là vợ chồng.

Về con chung: Giao ông Nguyễn Hữu H là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 13/10/2012. Bà Phạm Thị Phương T không phải cấp dưỡng cho con chung do ông H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của bà T, ông H hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003746 ngày 22/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THA-DS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hoàng Quân